

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2008/QĐ-UBND

*Đông Hà, ngày 25 tháng 01 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí  
sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về việc Khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Liên tịch Bộ Tài chính- Bộ Công nghiệp về việc Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công; Thông tư số 03/2005/TT-BCN ngày 23 tháng 6 năm 2005 của Bộ Công nghiệp về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 12b/2004/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2004 của HĐND tỉnh khóa IV về việc Thông qua cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (Văn bản số 2326/TT-STC ngày 12 tháng 12 năm 2007),

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công nghiệp, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hữu Phúc**

**QUY CHẾ**  
**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ**  
**ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND*  
*ngày 25/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Mục đích yêu cầu

- Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động hỗ trợ và khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh (Gọi tắt là hoạt động khuyến công) do ngân sách cấp hàng năm;

- Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo chế độ quy định hiện hành.

**Điều 2.** Đối tượng được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân, trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các huyện, thị xã, thị trấn và xã trên địa bàn tỉnh bao gồm:

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- Các tổ hợp tác đã có đăng ký thành lập ở chính quyền cơ sở;
- Hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo quy định hiện hành;
- Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công được đăng ký theo quy định của pháp luật hiện hành gồm dịch vụ tư vấn, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác có liên quan đến đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng làng nghề.

**Điều 3.** Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

**1.** Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

**2.** Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ (Sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính trong phạm vi tỉnh), sử dụng nhiều lao động; sử dụng lao động bình quân ít nhất trong năm là 20 người trở lên đối với thị xã Đông Hà và thị xã Quảng Trị; 10 người trở lên đối với các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và 15 người trở lên đối với các vùng khác (Trường hợp sử dụng lao động là người tàn tật thì 01 người được tính bằng 02 người bình thường).

**3.** Sản xuất sản phẩm mới (Sản phẩm mới là sản phẩm khi tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sản xuất tại huyện, thị xã, thị trấn nơi cơ sở sản xuất đầu tư chưa sản xuất được), sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu sử dụng chủ yếu

nguyên liệu trong nước (Sử dụng nguyên liệu trong nước là sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính trong nước từ 70% trở lên).

4. Xây dựng thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000KW để cung cấp điện cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

5. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

6. Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

7. Đầu tư khôi phục nghề truyền thống hoặc làng nghề, du nhập và phát triển nghề mới hoặc làng nghề mới.

8. Các dự án sản xuất tiểu thủ công nghiệp sử dụng trên 50% lao động là người tàn tật.

#### **Điều 4. Nội dung chi hoạt động khuyến công**

1. Chi phí cho các hoạt động hướng dẫn tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, tuyển dụng, đào tạo lao động, huy động vốn, xin ưu đãi đầu tư và các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, huyện, thị xã, thị trấn nơi đầu tư cơ sở sản xuất.

2. Chi phí cho các hoạt động hướng dẫn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hóa sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

3. Chi phí cho các hoạt động hướng dẫn, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Hỗ trợ chi phí để tiếp nhận, cung cấp thông tin thị trường, giá cả sản phẩm và công nghệ trong và ngoài nước; tổ chức tiếp thị, tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh và tổ chức triển lãm, hội chợ, giới thiệu sản phẩm.

5. Hỗ trợ chi phí tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề.

6. Hỗ trợ chi phí thuê diện tích tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm ở trong nước.

7. Hỗ trợ chi phí tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan, khảo sát trong nước, hỗ trợ và tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề.

8. Hỗ trợ chi phí xây dựng thí điểm mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và thực hiện dịch vụ tư vấn khoa học- công nghệ sản xuất công nghiệp nông thôn.

9. Ngoài các nội dung chi cho các hoạt động khuyến công chung từ khoản 1 đến khoản 8 Điều này, nhiệm vụ chi của khuyến công tỉnh, huyện, thị xã (Địa phương) còn bao gồm:

- Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trong phạm vi địa phương;
- Chi hỗ trợ xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm tại địa phương;
- Chi hỗ trợ giám sát, đánh giá hoạt động khuyến công tại cơ sở;
- Chi mua sắm thiết bị phục vụ công tác khuyến công;
- Chi khen thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 5.** Điều kiện chung để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

- Đúng đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này;
- Đúng ngành nghề quy định tại Điều 3 Quy chế này;
- Đúng nội dung quy định tại Điều 4 Quy chế này;
- Chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho mỗi nội dung chi của từng dự án;
- Có dự án khuyến công và hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

**Điều 6.** Một số mức chi hỗ trợ cụ thể

1. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp lập dự án đầu tư (Hoặc báo cáo đầu tư) phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: Hỗ trợ 30% kinh phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/dự án, sau khi dự án đã được phê duyệt theo quy định và triển khai thực hiện.

2. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu, cụm, điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: Hỗ trợ 50% kinh phí, nhưng không quá 50 triệu đồng/dự án, sau khi quy hoạch đã được phê duyệt theo quy định.

3. Hỗ trợ hướng dẫn, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới máy móc thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường: Hỗ trợ 50% kinh phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/dự án sau khi dự án đã được phê duyệt theo quy định và triển khai thực hiện.

4. Hỗ trợ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề

4.1. Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý hoạt động khuyến công, thực hiện nhiệm vụ khuyến công: Hỗ trợ 100% chi phí, mức hỗ trợ theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

4.2. Tập huấn, hướng dẫn bồi dưỡng chủ cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hóa sản xuất, hạ giá thành sản phẩm: Mức hỗ trợ trên cơ sở dự toán kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

4.3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật, công nhân cho doanh nghiệp: Hỗ trợ tối đa 300.000đồng/người/tháng và không quá 1.000.000đồng/người/1 suất đào tạo;

4.4. Đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, lao động làng nghề: Hỗ trợ tối đa 300.000đồng/người/tháng và không quá 1.500.000đồng/ người/1 khóa học.

5. Hỗ trợ tiếp nhận, cung cấp thông tin về thị trường, giá cả; tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh, tham gia triển lãm, hội chợ giới thiệu sản phẩm

- Hỗ trợ 80% kinh phí thuê gian hàng tham gia hội chợ tại các tỉnh miền núi trung du Bắc bộ; Tây nguyên;

- Hỗ trợ 50% kinh phí thuê gian hàng tham gia hội chợ tại các vùng còn lại;

- Hỗ trợ 50% kinh phí cho chi phí đi lại, thuê chỗ ở, phụ cấp công tác phí tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh, nhưng không quá 10 triệu đồng/1 Đề án và theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

6. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan học tập, khảo sát trong nước

- Đối với các tổ chức, đơn vị hoạt động dịch vụ khuyến công: Hỗ trợ 100% kinh phí; mức hỗ trợ trên cơ sở dự toán kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

- Đối với các cá nhân, tổ chức kinh doanh: Hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 20 triệu đồng/1 đợt.

7. Hỗ trợ thiết kế mới, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm và xây dựng, đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm: Hỗ trợ 50% kinh phí nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/cho 1 dự án.

8. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ

8.1. Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

- Đối với cơ sở sản xuất đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền nhân rộng, hoặc cần đầu tư cải tiến quy trình công nghệ và quy trình sản xuất đáp ứng yêu cầu trình diễn, kinh phí khuyến công hỗ trợ 1 phần thực hiện nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình;

- Đối với các sản phẩm mới, quy trình sản xuất mới cần xây dựng mô hình trình diễn kinh phí khuyến công hỗ trợ một phần để thực hiện nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình;

8.2. Chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/1 dự án.

Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công cho xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ: Tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất phù hợp các yêu

cầu phục vụ cho việc trình diễn và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án; tổ chức cá nhân thực sự bỏ vốn đầu tư cải tạo hoàn thiện công nghệ.

**9.** Chi phí thông tin, tuyên truyền về sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm theo chế độ hiện hành.

Bao gồm các nội dung:

- Thực hiện trang truyền hình, các chuyên đề truyền hình;
- Phát hành bản tin, tập san công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và làng nghề;
- Xây dựng Website, sách báo, tờ rơi quảng bá công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

**10.** Chi kiểm tra, đánh giá hoạt động khuyến công tại cơ sở: Mức hỗ trợ trên cơ sở dự toán chi phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành bao gồm: Tiền xăng xe, công tác phí, hội nghị thẩm định đề xây dựng, kiểm tra việc sử dụng và quyết toán kinh phí khuyến công.

**11.** Hỗ trợ kinh phí mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ công tác khuyến công: Mức hỗ trợ trên cơ sở dự toán kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

**12.** Chi khen thưởng các cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề, nghệ nhân

- Chi thưởng các cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề có nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh và làm tốt công tác xử lý môi trường;
- Thưởng làng nghề được UBND tỉnh công nhận;
- Thưởng nghệ nhân cấp tỉnh được UBND tỉnh công nhận;
- Thưởng thợ giỏi cấp tỉnh;
- Thưởng cho các cá nhân, tổ chức có công trong việc du nhập nghề mới;
- Thưởng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn giải quyết việc làm lao động cho hộ nghèo, lao động là các đối tượng chính sách, đối tượng xã hội.

**13.** Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ khuyến công

Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và khả năng thực hiện dịch vụ khuyến công theo nguyên tắc: Hoạt động dịch vụ khuyến công phù hợp với nội dung chương trình khuyến công trong từng thời kỳ; kinh phí khuyến công hỗ trợ được xác định trên cơ sở khối lượng công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, số lượng và đối tượng được hưởng dịch vụ khuyến công, chế độ và tiêu chuẩn chi tiêu theo quy định hiện hành sau khi đã trừ phần đóng góp của tổ chức, cá nhân hưởng thụ dịch vụ: Mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG**

**Điều 7.** Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công được lập thành 2 bộ gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Quảng Trị, gồm có:

**1. Dự án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công (Gọi tắt là dự án khuyến công):**

- Dự án khuyến công được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Quy chế này. Dự án khuyến công có mục tiêu và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định. Dự án khuyến công có các nội dung sau:

a) Sự cần thiết và mục tiêu của dự án;

b) Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, địa điểm thực hiện;

c) Đối tượng, số lượng tổ chức, cá nhân thụ hưởng;

d) Tổ chức tiêu thụ sản phẩm;

đ) Nội dung, tiến độ các công việc sẽ triển khai;

e) Dự toán kinh phí để thực hiện bao gồm: Kinh phí khuyến công, kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng;

g) Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội.

**2. Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công (Theo mẫu) có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc UBND huyện, thị xã.**

**3. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.**

**4. Bản sao hợp lệ các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.**

**5. Bản sao hợp lệ các văn bản về chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư của cấp có thẩm quyền.**

**6. Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình kèm theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền (Đối với dự án đầu tư).**

**7. Bản sao hợp lệ các hợp đồng chuyển giao công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị, xử lý môi trường, tư vấn lập dự án đầu tư, đào tạo hoặc các hợp đồng khác có liên quan (Đối với từng loại dự án).**

**Điều 8.** Trình tự xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các Đề án Khuyến công gồm các bước sau:

- Xây dựng kế hoạch khuyến công;

- Thẩm định các Đề án Khuyến công;

- Phê duyệt kế hoạch và hỗ trợ kinh phí khuyến công;

- Hoàn thiện hồ sơ khuyến công;

- Ký các hợp đồng;

- Tổ chức thực hiện;

- Tổng kết, nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng.

**Điều 9.** Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công

**1. Lập dự toán**

- Chậm nhất vào ngày 31/10 năm trước, các đối tượng có nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 02 bộ theo quy định;

- Hàng năm căn cứ vào hướng dẫn lập dự toán ngân sách của cơ quan tài chính, tình hình thực hiện dự toán năm trước, nội dung và khối lượng công việc khuyến công cần thực hiện trong năm kế hoạch, định mức kinh tế- kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và mức hỗ trợ chi phí quy định tại Quy chế này, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp lập dự toán kinh phí thực hiện công tác khuyến công của địa phương báo cáo Sở Công nghiệp xem xét, tổng hợp gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

## 2. Thực hiện dự toán

- Căn cứ vào nguồn kinh phí khuyến công được UBND tỉnh bố trí hàng năm, Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Căn cứ dự toán đã được phê duyệt, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp cấp tạm ứng 40% kinh phí được hỗ trợ tùy theo tiến độ công việc đã được thực hiện. Số còn lại sẽ thanh toán một lần cho đơn vị thụ hưởng khi Đề án thực hiện hoàn thành và đầy đủ hồ sơ chứng từ quyết toán theo quy định;

- Đối với các nội dung xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, đầu tư mới, mở rộng sản xuất và hỗ trợ chuyển giao công nghệ sẽ cấp tạm ứng sau khi chủ đầu tư đã thực hiện bỏ vốn đầu tư và đã hoàn thành được 50% khối lượng công việc như yêu cầu của hợp đồng;

- Đối với đề án hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, cấp kinh phí hỗ trợ (Không tạm ứng) sau khi đơn vị thực hiện Đề án đảm bảo đủ các điều kiện quy định theo Thông tư Liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN ngày 16 tháng 5 năm 2005 của liên Bộ Tài chính- Bộ Công nghiệp.

## 3. Về quyết toán

- Khi kết thúc chương trình, Đề án chậm nhất là 15 ngày các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công phải lập báo cáo quyết toán theo quy định gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp. Hồ sơ quyết toán 02 bộ gồm:

+ Hồ sơ dự án;

+ Hợp đồng và thanh lý hợp đồng;

+ Công văn đề nghị phê duyệt quyết toán (Phụ lục 01);

+ Báo cáo kết quả sử dụng kinh phí khuyến công (Phụ lục 02);

+ Bảng kê chi tiết quyết toán khuyến công (Phụ lục 03);

+ Hợp đồng, hóa đơn chứng từ thu chi tài chính liên quan theo chế độ thu chi tài chính nhà nước.

**Điều 10.** Kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công

- Sở Công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo việc quản lý sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, có hiệu quả;

- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp có trách nhiệm đôn đốc thực hiện các Đề án sử dụng kinh phí khuyến công đúng kế hoạch được duyệt. Đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan để kiểm tra. Nếu phát hiện thấy đơn vị hưởng sử dụng kinh phí sai mục đích, sai Quy chế quản lý hoặc kém hiệu quả thì Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp báo cáo Sở Công nghiệp để có biện pháp xử lý.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Phân công trách nhiệm**

**1. Sở Công nghiệp:** Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện chi tiết Quy chế này; phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các tổ chức liên quan chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công.

**2. Sở Tài Chính:** Tổng hợp cân đối nguồn vốn khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định; thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định.

**3. Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã hướng dẫn các đơn vị trong phạm vi quản lý của mình xây dựng kế hoạch hỗ trợ; xem xét, có ý kiến và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ; đề xuất kế hoạch khuyến công hàng năm của ngành, của địa phương.**

#### **Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

**1. Những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, sử dụng và tạo nguồn vốn kinh phí khuyến công được xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.**

**2. Những tổ chức, cá nhân vi phạm, có hành vi gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ từ kinh phí khuyến công thì phải hoàn trả và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.**

**3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các Sở Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị thuộc đối tượng hỗ trợ kinh phí khuyến công báo cáo UBND tỉnh (Qua Sở Công nghiệp) để kịp thời xem xét giải quyết./.**

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hữu Phúc**